TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2019/DS-ST
Ngày: 10/05/2019.
V/v tranh chấp: hợp đồng dịch vụ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Bé
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Sương

Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Ngọc Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây: *không tham gia phiên tòa*.

Trong các ngày 08 và 10 tháng 05 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 315/2018/TLST-DS ngày 06/12/2018 về "*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐST-DS ngày 23/04/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn S – sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang,

- *Bị đơn*: Anh Lê Tấn C – sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh Trần Văn P - sinh năm 1977

Ủy quyền cho anh Nguyễn Văn S – sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

+ Chị Phan Thị Ngọc L - sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp L, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Anh S, anh C có mặt, chị L xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày: vào tháng 5/2017 anh Lê Tấn C có thuê anh đến móc đầm tôm cho anh C tại địa chỉ ấp Xã Lới, xã Tân Trung, Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Anh và anh C đã thỏa thuận tiền công tính theo giờ với số tiền 450.000 đồng/giờ. Công trình hoàn thành xong với tổng số giờ là 259 giờ, tổng thành tiền là 116.550.000 đồng. Trong quá trình thi công anh L Tấn C đã thanh toán trước cho anh 10.000.000 đồng, số tiền còn lại anh C hứa thanh toán khi công trình hoàn thành. Khi công trình kết thúc anh C không thanh toán như đã hẹn. Ngày 24/7/2017 anh C có viết giấy hẹn hứa sẽ thanh toán thêm từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng vào ngày 15- 20/8/2017 và số tiền còn lại sẽ thanh toán đầy đủ vào tháng 9/2017 âm lịch. Đến ngày 23/10/2017 anh C tiếp tục viết giấy hẹn trả 50.000.000 đồng vào ngày 10/11/2017 và sẽ thanh toán hết sau 1 tháng. Đến nay anh C vẫn chưa thanh toán cho anh số tiền nào ngoài 10.000.000 đồng đã đưa trước. Nay anh yêu cầu anh C trả số tiền 106.550.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Tại văn bản lời khai của bị đơn anh Lê Tấn C trình bày: vào năm 2017 anh có mướn anh P sửa đầm tôm với số tiền là 106.000.000 đồng, anh có trả trước 10.000.000 đồng, còn lại 96.000.000 đồng, anh hứa trả dần 6 tháng trả 1 lần là 20.000.000 đồng, trả dần cho đến khi hết nợ.

* Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Ngọc L trình bày: giữa chị và anh C là vợ chồng nhưng từ trước đến nay chị và anh C làm ăn riêng nên nợ ai nấy trả. Việc làm ăn giữa anh C với anh S chị hoàn toàn không biết, chị không liên quan gì trong vụ kiện này, chị không đồng ý trả số nợ 106.550.000 đồng cho anh S.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn P trình bày: anh và anh Nguyễn Văn S có quan hệ là anh em bà con cô cậu. Vào tháng 5/2017, anh Lê Tấn C có thuê anh và anh Nguyễn văn S đến móc đất đầm tôm cho anh C tại ấp Xã Lới, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Thỏa thuận tiền công là 450.000 đồng/ giờ, công việc thi công được 50% thì anh C thanh toán 50% giá trị hợp đồng, phần giá trị còn lại sẽ thanh toán ngay khi công việc hoàn tất. Anh và anh S làm tổng cộng 259 giờ. Tổng số tiền anh C phải thanh toán là 116.550.000 đồng. Quá trình thi công thì anh C đã ứng trước là 10.000.000 đồng. Khoảng tháng 5/2017 thì hoàn tất công việc, nhưng anh C không thanh toán tiền theo thỏa thuận, anh và anh S đã yêu cầu rất nhiều lần nhưng anh C không thanh toán và hứa hẹn sẽ thanh toán hoàn tất trong tháng 11/2017. Tuy nhiên đến hẹn anh C hoàn toàn không thực hiện lời hứa. Hiện anh S đã thanh toán tiền công làm việc cho anh bằng nguồn tiền cá nhân của anh S. Do đó, anh Nguyễn Văn S đã đứng đơn khởi kiện anh Lê Tấn C để yêu cầu trả số tiền 106.550.000 đồng. Trong vụ án này anh thống nhất việc anh S kiện anh C, anh không tranh chấp và không yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên Tòa hôm nay

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S yêu cầu anh Lê Tấn C và chị Phan Thị Ngọc L liên đới trả lại số tiền là 106.550.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Lê Tấn C chấp nhận trả cho anh Nguyễn Văn S số tiền 106.550.000 đồng nhưng xin trả dần 06 tháng trả 20.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 106.550.000 đồng, không đồng ý liên đới với chị L trả số tiền 106.550.000 đồng vì anh và chị L làm ăn riêng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Phan Thị Ngọc L xin vắng mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S là có cơ sở: vì anh Nguyễn Văn S và anh Lê Tấn C có hợp đồng dịch vụ là anh S móc đất làm đầm tôm cho anh C, thỏa thuận làm theo giờ là 450.000 đồng/ giờ, tổng cộng anh S làm được 259 giờ, thành tiền là 116.550.000 đồng, phía anh C đã trả được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 106.550.000 đồng hứa hết năm 2017 sẽ trả xong nhưng không trả. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình anh S cung cấp 2 giấy hẹn ngày 24/7/2017 và ngày 23/10/2017 có chữ viết và chữ ký của anh C. Phía anh C cũng thừa nhận còn nợ anh S số tiền 106.550.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa anh S và anh C đã xác lập hợp đồng dịch vụ theo quy định tại Điều 513 Bộ luật dân sự năm 2015, phía anh C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên thuê, nên cần buộc anh C có trách nhiệm trả cho anh S số tiền 106.550.000 đồng là phù hợp với Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thời gian trả: anh S yêu cầu trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì số tiền này anh C để kéo dài không trả cho anh S đã ảnh hưởng đến quyền lợi của anh S, nên cần buộc anh C trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Đối với ý kiến của anh C chấp nhận trả cho anh S số tiền 106.550.000 đồng, nhưng xin trả dần 06 tháng trả 20.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 106.550.000 đồng. Xét ý kiến này của anh C là không có cơ sở như đã phân tích ở trên, đồng thời anh S cũng không chấp nhận cho anh C trả dần 6 tháng trả 20.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 106.550.000 đồng. Do đó, ý kiến này của anh S không được chấp nhận.

[4] Đối với anh Trần Văn P là người cùng với anh S làm công việc móc đất làm đầm tôm cho anh C, anh P là người làm công cho anh S, máy móc (KoBe) là của anh S. Hiện anh S đã trả tiền xong cho anh P và anh P cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, mà xác định anh C trả tiền cho anh S là đúng pháp luật.

[5] Đối với chị Phan Thị Ngọc L, anh S yêu cầu chị L và anh C cùng liên đới trả số tiền 106.550.000 đồng. Xét ý kiến này của anh S là không có cơ sở vì anh S chỉ có hợp đồng với anh C mà không có chị L, phía anh C và chị L đều xác định mặc dù hai người là vợ chồng nhưng hai người làm ăn riêng, phía anh S không có chứng cứ gì chứng minh anh C xác lập giao dịch với anh S là đại diện luôn chị L, phía anh S cho rằng đã nhiều lần gặp chị L đòi tiền nhưng anh S cũng không xác lập hợp đồng hoặc

xác nhận nợ với chị L. Đồng thời tại đơn khởi kiện của anh S cũng không yêu cầu chị L liên đới với anh C trả tiền. Do đó, yêu cầu này của anh S không được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 274, 280, 513, 519 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S

Buộc anh Lê Tấn C có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn S số tiền **106.550.000** đồng (một trăm lẻ sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Anh Lê Tấn C phải chịu **5.327.500** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho anh Nguyễn Văn S **2.663.750** đồng tiền tạm ứng án phí mà anh S đã nộp theo biên lai số 39865 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Báo các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Báo đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG
TÒA
- VKSNDHGCT
- CCTHADSHGCT
- Các đương sự
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Văn Tuấn Anh